

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06/03/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tuấn Khang và bà Hồ Thị Thu Uyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Linh Ngân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại Toà án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn Trần Văn M trình bày:* Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh T đến và chung sống với nhau vào năm 2013, khi đến chung sống với nhau hai bên hoàn toàn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Trong khoảng thời gian chung sống với nhau thì thời gian đầu hai vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2019 trở lại đây thì tình cảm vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn; tín ngưỡng hai vợ chồng khác nhau nên cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng không cùng quan điểm sống trong quá trình xây dựng hạnh phúc, không khí gia đình luôn luôn nặng nề, đã ly thân từ năm 2020. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa ông M và bà T có 03 con chung gồm: cháu Trần Tấn T1, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2013; cháu Trần Tấn L,

sinh ngày 18 tháng 7 năm 2015 và cháu Trần Tấn P, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2018. Kể từ khi ly thân với bà T thì các con chung đang ở cùng ông Trần Văn M. Nên ông M xin là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành đủ (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Ông M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Ông M xin tự chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

** Theo lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày – theo nội dung đơn xin giải quyết vắng mặt:* Bà T và ông M trong thời gian chung sống với nhau thì xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc hai vợ chồng đã ly thân nên bà T đồng ý ly hôn theo nội dung của ông M.

Về con chung: trong thời gian chung sống với ông M thì có 03 con chung gồm cháu Trần Tấn T1, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2013; cháu Trần Tấn L, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2015 và cháu Trần Tấn P, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2018. Nếu Toà án giải quyết cho ly hôn thì bà T đồng ý giao cho ông Trần Văn M là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Ông M không yêu cầu nên không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn làm đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt theo quy định.

- Về tố tụng: Đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn M ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Giao cháu Trần Tấn T1, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2013; cháu Trần Tấn L, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2015 và cháu Trần Tấn P, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2018 cho ông Trần Văn M là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Trần Văn M phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào đơn khởi kiện Toà án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên Tòa án giải quyết nhưng phía bị đơn không hợp tác, không lên Tòa án giải quyết nên Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự; thông báo kết quả về phiên hòa giải theo quy định; bị đơn vắng mặt tại buổi công khai chứng cứ và hòa giải nên Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa ngày hôm nay ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn xét xử vắng mặt ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Thanh T, cư trú tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Nội dung tranh chấp và quan hệ pháp luật:* Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh T đến và chung sống với nhau từ năm 2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ theo số 35/2013 ngày 06/5/2013 và cháu Trần Tấn T1, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2013; cháu Trần Tấn L, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2015 và cháu Trần Tấn P, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2018. Do mâu thuẫn gia đình và vợ chồng đã sống ly thân nên ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và nuôi con chung. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nhận định của Hội đồng xét xử về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh T đến chung sống với nhau từ năm 2013 và đăng ký kết hôn UBND xã T, huyện Đ theo số 35/2013 ngày 06/5/2013 là có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Thanh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Qua trình bày của ông M và bà T đã có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống giữa ông M và bà T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm ra được tiếng nói chung nên đã không còn sống chung được hơn 4 năm nay. Điều này cho thấy: “Tình trạng hôn nhân giữa ông M và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được” nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông M là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M.

[3]. Về con chung: Ông M và bà T có con 03 chung là cháu Trần Tấn T1, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2013; cháu Trần Tấn L, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2015 và cháu Trần Tấn P, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2018. Từ khi ông M và bà T không còn chung sống với nhau thì các cháu ở cùng ông M; bà T đồng ý giao con cho ông M là người trực tiếp nuôi dưỡng và các cháu trình bày nguyện vọng muốn được ở cùng ông M nên cần giao các con chung cho ông M là người trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, trông nom và giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp, đảm bảo quy định của pháp luật.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: ông Trần Văn M phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Điều 58, Điều 81, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn M ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T;

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tấn T1, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2013; cháu Trần Tấn L, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2015 và cháu Trần Tấn P, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2018 cho ông Trần Văn M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con chung mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), Ông Trần Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền ông M đã nộp theo biên lai số 0004376 ngày 29 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- UBND xã Thuận Hạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Phạm Văn Quân